

Số: /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

Về kịch bản tăng trưởng, nhiệm vụ, giải pháp và đề xuất kiến nghị của tỉnh Quảng Ngãi để đạt tốc độ tăng trưởng GRDP năm 2026 tăng 10%

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 1201/STC-THQH ngày 25/02/2026, UBND tỉnh kính báo cáo Bộ Tài chính như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm, tình hình

Ngày 12/6/2025, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sáp nhập các tỉnh, thành phố trong cả nước, đây được xem là cuộc cách mạng lớn nhất về sắp xếp bộ máy của cả hệ thống chính trị; theo đó, tỉnh Quảng Ngãi hợp nhất với tỉnh Kon Tum thành tỉnh Quảng Ngãi, với diện tích gần 15 nghìn km² (đứng thứ 5 cả nước), sự hợp nhất không chỉ là sự kết hợp hai đơn vị hành chính, hai không gian phát triển, mà còn là sự hòa quyện giữa hai vùng văn hóa, hai dòng chảy lịch sử và là sự hội tụ và kế thừa, phát huy cộng hưởng thế mạnh và tinh thần đoàn kết của hai địa phương, mở ra một không gian phát triển mới, tạo dư địa, nguồn lực và động lực mới. Điều này mang lại cho tỉnh Quảng Ngãi nhiều cơ hội lớn để tiếp tục phát triển bền vững trong thời gian đến như: Xây dựng chuỗi giá trị toàn diện, kết nối lâm nghiệp, nông nghiệp cao nguyên với công nghiệp, kinh tế biển, thúc đẩy chế biến, xuất khẩu và thu hút đầu tư, với tiềm năng trở thành Trung tâm kinh tế động lực vùng, hỗ trợ cho hành lang Đông - Tây và Bắc - Nam. Sự kết hợp giữa cao nguyên với Khu du lịch Măng Đen và Trung tâm du lịch biển - đảo Lý Sơn tạo sản phẩm du lịch độc đáo, từ sinh thái rừng đến biển đảo, góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số, giảm nghèo và liên kết cộng đồng...

Năm 2025 khép lại giai đoạn 05 năm 2021 - 2025 với nhiều dấu ấn quan trọng, tạo thế và lực mới để Quảng Ngãi bước vào thời kỳ phát triển nhanh, bền vững hơn trong giai đoạn 2026 - 2030. Trong bối cảnh thế giới, khu vực còn nhiều bất ổn, song với sự kiên trì vượt khó, ý chí bền bỉ, tinh thần “đoàn kết - kỷ cương - sáng tạo - hành động” lan tỏa mạnh mẽ trong toàn tỉnh, Quảng Ngãi vẫn giữ vững ổn định chính trị, duy trì tăng trưởng và đạt nhiều kết quả quan trọng, toàn diện, trong đó có một số chỉ tiêu đạt kết quả nổi bật: Tốc độ tăng trưởng GRDP năm 2025 (theo giá so sánh 2010) ước đạt 10,02%, cao hơn mục tiêu đề

ra; xếp vị trí thứ 01/06 tỉnh trong vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, đứng 06/34 cả nước về tốc độ tăng GRDP và cũng là một trong sáu tỉnh, thành phố có tốc độ tăng GRDP đạt 02 con số trong năm; Quy mô nền kinh tế theo giá hiện hành đạt gần 192 nghìn tỷ đồng, tăng trên 11% so với năm 2024; GRDP bình quân đầu người đạt trên 100 triệu đồng (*tương đương 4.042 USD*), tăng trên 10% so với năm 2025; Tổng vốn đầu tư thực hiện năm 2025 đạt hơn 79,3 nghìn tỷ đồng, tăng trên 10,6% so với kế hoạch; Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt hơn 36 nghìn tỷ đồng, vượt dự toán Trung ương giao, là năm thứ 5 liên tiếp vượt dự toán, tạo dư địa quan trọng cho đầu tư phát triển giai đoạn tới; Du lịch có bước tiến ấn tượng, dần trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh, năm 2025, tỉnh đón hơn 5 triệu lượt khách, tăng trên 32% so với năm 2024, doanh thu du lịch đạt hơn 3,5 nghìn tỷ đồng, tăng gần 66%. Cùng với kinh tế, các lĩnh vực văn hóa - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh ghi nhận nhiều chuyển biến tích cực, đóng góp quan trọng vào phát triển toàn diện và bền vững.

Năm 2026 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng - năm diễn ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, bầu cử Quốc hội khóa XVI và HĐND các cấp - năm mở đầu giai đoạn phát triển mới phân đầu tăng trưởng 2 con số, với nhiều thời cơ và thách thức đan xen. Dự báo tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, tiềm ẩn nhiều rủi ro; việc triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 sẽ có những thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và tỉnh Quảng Ngãi nói riêng.

2. Thời cơ, thuận lợi và khó khăn, hạn chế

2.1. Thời cơ, thuận lợi

Quảng Ngãi có nhiều ưu thế để phát triển; vị trí địa lý thuận lợi trên các trục kinh tế Bắc - Nam, trục kinh tế Đông - Tây kết nối khu vực biển Đông - Đông Nam Á phát triển kinh tế biển. Quỹ đất lớn, hệ thống cơ sở hạ tầng phát triển Khu kinh tế, Khu công nghiệp đang dần được hoàn thiện, đặc biệt là Khu kinh tế Dung Quất với diện tích quy hoạch hơn 45.000 ha - là một trong năm khu kinh tế ven biển có nhiều tiềm năng lợi thế được Chính phủ ưu tiên đầu tư và có chính sách ưu đãi cao nhất Việt Nam, tương lai sẽ hình thành Trung tâm Lọc hóa dầu và năng lượng quốc gia, trong đó trọng tâm là lọc hóa dầu, điện khí, tạo cơ hội thu hút những nhà đầu tư chiến lược, là tiền đề để phát triển chuyên sâu, tạo đột phá, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tài nguyên rừng lớn, hệ thực vật đa dạng, một số lâm sản, cây công nghiệp, dược liệu quý, đặc biệt như Sâm Ngọc Linh; phát triển các nguồn điện tái tạo, năng lượng mới, năng lượng sạch; nhiều di sản thiên nhiên, lịch sử, văn hóa có giá trị, tạo tiềm năng lớn trong phát triển du lịch, như: Du lịch biển - đảo Lý Sơn, Khu du lịch Măng Đen. Hệ thống cao tốc Bắc - Nam phía Đông và Quốc lộ 1 đi qua các địa bàn trọng điểm về kinh tế của tỉnh, Quốc lộ 14E, Quốc lộ 24 kết nối chiều Đông - Tây;... là điều kiện thuận lợi để phát triển các dịch vụ logistics, kho bãi, hình thành liên kết ngành và liên kết vùng trong công nghiệp và du lịch. Nguồn nhân lực dồi dào,

với 63,79% tỷ lệ lao động qua đào tạo, dân số trong độ tuổi lao động (15-64 tuổi) chiếm 65%, đây là lợi thế về “cơ hội dân số vàng” cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh trong tình hình mới.

2.2. Khó khăn, hạn chế

Tình hình thế giới dự báo tiếp tục chuyển biến nhanh, khó lường, như: Xung đột vũ trang, cạnh tranh chiến lược, chiến tranh thương mại, chạy đua về khoa học công nghệ ngày càng gia tăng; an ninh năng lượng, an ninh lương thực, thiên tai, biến đổi khí hậu... ngày càng phức tạp, khó dự báo.

Dự báo kinh tế tỉnh Quảng Ngãi sẽ có bước phát triển. Tuy nhiên, tiếp tục đối mặt với những khó khăn, thách thức, như: (1) Số thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất phụ thuộc rất lớn vào giá dầu thô trên thế giới, những yếu tố này biến động khó lường; (2) Thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh trầm lắng, các dự án bất động sản triển khai chậm hơn dự kiến ban đầu, dẫn đến nguồn thu tiền sử dụng đất dự kiến khó đạt theo tiến độ; (3) Hạ tầng để thu hút đầu tư còn hạn chế,... sẽ ảnh hưởng lớn đến nguồn thu ngân sách và thu hút đầu tư phát triển trong năm 2026; (4) Hạ tầng giao thông chưa đồng bộ, đặc biệt giao thông kết nối Đông - Tây,... Bên cạnh đó, tỷ trọng lao động trong nông nghiệp còn cao; sản xuất nông nghiệp còn manh mún, nhỏ lẻ, chưa hình thành được chuỗi liên kết giá trị trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ; các dịch vụ giá trị gia tăng cao, dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật cao, phục vụ phát triển các ngành khác và phục vụ dân sinh chưa thực sự phát triển; phát triển du lịch chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh, sản phẩm chưa tạo được thương hiệu riêng, sức cạnh tranh thấp; phát triển kinh tế biển chưa tạo động lực chính cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN NĂM 2026

1. Mục tiêu, chỉ tiêu phát triển năm 2026

1.1. Mục tiêu tổng quát

Bám sát các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 và 05 năm 2026 - 2030 của trung ương và của tỉnh để tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả; tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện 05 nhiệm vụ trọng tâm và 03 nhiệm vụ đột phá. Thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế bền vững, dựa trên ba trụ cột: công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp công nghệ cao, gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu; ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng, đảm bảo khả năng cân đối, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; tập trung đầu tư phát triển hạ tầng đồng bộ, nhất là giao thông kết nối, đô thị thông minh và hạ tầng các khu kinh tế, khu công nghiệp; chú trọng phát triển du lịch tương xứng với tiềm năng, thế mạnh; thực hiện hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia. Kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong chính quyền, doanh nghiệp và xã hội; đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ; phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa, xã hội; bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao chất lượng sống

của người dân, giảm nghèo bền vững. Xây dựng nền hành chính tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm chính quyền địa phương hai cấp hoạt động thông suốt, ổn định; thực hiện quyết liệt cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Chủ động truyền thông chính sách “lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực”, “lấy cái đẹp dẹp cái xấu”, tạo khí thế, niềm tin trong Nhân dân; nâng cao công tác dân vận, mặt trận, tạo đồng thuận xã hội. Giữ vững an ninh, quốc phòng, ổn định chính trị; tăng cường liên kết vùng và hội nhập kinh tế quốc tế.

1.2. Các chỉ tiêu chủ yếu

- (1) Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng 10%.
- (2) Năng suất lao động xã hội tăng 8,5 - 9,5%.
- (3) GRDP bình quân đầu người khoảng 4.460 USD.
- (4) Thu nhập bình quân đầu người tăng 9-10%.
- (5) Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ trong GRDP chiếm khoảng 71 - 72%; trong đó, công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 42 - 43%.
- (6) Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đạt 12%.
- (7) Vốn đầu tư trên địa bàn đạt khoảng 98.000 - 100.000 tỷ đồng.
- (8) Số bác sĩ/vận dân đạt 10,98 bác sĩ; số giường bệnh/vận dân (không tính giường trạm y tế xã) đạt 35,18 giường.
- (9) Có ít nhất 57,2% trường mầm non; 75,6% trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia.
- (10) Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội đạt 40,7%.
- (11) Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 25,66%.
- (12) Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều còn 1,47%.
- (13) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 59,65%.
- (14) Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 30,6%.
- (15) 100% đơn vị hành chính cấp xã đạt tiêu chuẩn vững mạnh về quốc phòng, trong đó vững mạnh toàn diện đạt khoảng 70%.
- (16) Có ít nhất 80% khu dân cư, đơn vị hành chính cấp xã, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự.

2. Kịch bản tăng trưởng năm 2026

2.1. Về kịch bản tăng trưởng GRDP 10%

a) Các yếu tố giả định: (i) Giá trị sản xuất khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng khoảng 4,9% (trong đó, nông nghiệp tăng 5,0%; lâm nghiệp tăng 7,0%; thủy sản tăng 4,0%); (ii) khu vực công nghiệp - xây dựng tăng khoảng 14,7%, trong đó: công nghiệp tăng khoảng 16,2% (Kế hoạch năm 2026: Nhà máy lọc dầu Dung Quất hoạt động ổn định, nên sản lượng dầu dự kiến đạt khoảng 7,2 triệu tấn; Khu liên hợp gang thép Hòa Phát Dung Quất 1 hoạt động ổn định; Khu

liên hợp gang thép Hòa Phát Dung Quất 2 đi vào vận hành thử nghiệm dây chuyền 1 vào tháng 4/2025 và dây chuyền 2 trong Quý IV/2025, đi vào hoạt động chính thức năm 2026 nên dự kiến tổng sản lượng thép đạt khoảng 10 triệu tấn (bằng 140,8% so với năm 2025); các ngành công nghiệp ngoài dầu và thép tăng khoảng 14%), khu vực xây dựng tăng khoảng 4%; (iii) khu vực dịch vụ tăng khoảng 9,4%; (iv) vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn đạt khoảng 98.000-100.000 tỷ đồng.

b) Kịch bản tăng trưởng GRDP 10%

Trên cơ sở những kết quả đã đạt được trong năm 2025 và từ các yếu tố giả định nêu trên, Kế hoạch GRDP năm 2026 phấn đấu đạt khoảng 101.595 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2025, trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản phấn đấu đạt 15.952 tỷ đồng, tăng 4,99%; khu vực công nghiệp và xây dựng phấn đấu đạt 42.341 tỷ đồng, tăng 14,8% (trong đó công nghiệp đạt 35.591 tỷ đồng, tăng 17,1%); khu vực dịch vụ phấn đấu đạt 31.015 tỷ đồng, tăng 9,4%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm đạt 12.287 tỷ đồng, tăng 3% so với năm 2025.

(Chi tiết tại Phụ lục số 01)

2.2. Về quy mô nền kinh tế (GRDP theo giá hiện hành): Kế hoạch năm 2026 phấn đấu đạt 220.212 tỷ đồng.

2.3. GRDP bình quân đầu người: Kế hoạch năm 2026 phấn đấu đạt 115,5 triệu đồng/người (khoảng 4.460 USD).

2.4. Thu - chi ngân sách nhà nước

(1) *Thu ngân sách nhà nước:* Kế hoạch năm 2026 phấn đấu đạt hơn 33.852 tỷ đồng, đạt vượt mức chỉ tiêu Trung ương giao.

(2) *Chi cân đối ngân sách nhà nước:* Kế hoạch năm 2026 dự kiến khoảng 26.304 tỷ đồng, bằng 100% so với năm 2025; trong đó: (i) Chi đầu tư phát triển khoảng 6.156 tỷ đồng, bằng 143,2%, chiếm tỷ trọng 23,4%; (ii) chi thường xuyên khoảng 19.613 tỷ đồng, bằng 89,2%, chiếm tỷ trọng 74,6%.

2.4. Về các động lực tăng trưởng truyền thống (Đầu tư, tiêu dùng và xuất nhập khẩu)

- **Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn:** Kế hoạch năm 2026 phấn đấu đạt 98.000 - 100.000 tỷ đồng; trong đó: (1) Vốn đầu tư công là 6.821 tỷ đồng, chiếm 6,8% (trong đó: NSTW khoảng 959 tỷ đồng, NSDP khoảng 5.862 tỷ đồng); (2) Vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước khoảng 88.679 tỷ đồng, chiếm 88,7%; (3) Vốn đầu tư nước ngoài (FDI) khoảng 4.500 tỷ đồng, chiếm 4,5% tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn.

- **Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng:** Kế hoạch năm 2026 phấn đấu đạt 145.000 tỷ đồng, tăng khoảng 8,4% so với năm 2025. Khách du lịch quốc tế và nội địa: Kế hoạch năm 2026 phấn đấu đạt 6,2 triệu lượt khách, tăng 24% so với năm 2025.

- **Xuất nhập khẩu hàng hóa:** (1) Kim ngạch xuất khẩu phần đầu đạt 3.170 triệu USD, tăng 5,6% so với năm 2025; (2) Kim ngạch nhập khẩu phần đầu đạt 6.240 triệu USD, tăng 16,1% so với năm 2025.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02)

3. Điều kiện để đạt được tốc độ tăng trưởng 10% trong năm 2026

3.1. Điều kiện

Với mục tiêu tăng trưởng năm 2026, Tỉnh Quảng Ngãi đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, UBND các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị có liên quan tập trung thực hiện quyết liệt, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 08/12/2025 của Tỉnh ủy; Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh và Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 19/01/2026 của UBND tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của tỉnh Quảng Ngãi. Đồng thời, xác định các ngành, lĩnh vực có khả năng đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn để tập trung phát triển nhằm bù đắp cho các ngành, lĩnh vực đạt thấp, như sau:

- **Phần đầu cao nhất, nỗ lực lớn nhất với mục tiêu chung là đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội của cả nước** tăng trưởng GDP 10% trở lên, của tỉnh Quảng Ngãi phần đầu tăng trưởng GRDP 10%, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 ngay từ năm 2026, năm đầu của giai đoạn 2026 - 2030.

- **Tiếp tục xác định khu vực công nghiệp và xây dựng** (trong đó công nghiệp) là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế năm 2026 với một số dự án mới đi vào hoạt động chính thức từ cuối năm 2025 và trong năm 2026 như: Khu liên hợp gang thép Hòa Phát Dung Quất 2; Nhà máy sản xuất khí công nghiệp Messer - Quảng Ngãi; Nhà máy sản xuất các sản phẩm sau thép; Nhà máy sản xuất vải Sedo - Dung Quất; Nhà máy sơ chế và chế biến dược liệu; một số dự án điện trên địa bàn tỉnh như: điện gió Tân Tân Nhật - Đăk Glei, thủy điện Đăk Mi 1 và 1A, thủy điện Trà Khúc 1 và 2, thủy điện Long Sơn, thủy điện Sông Liên 1,... Tích cực hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư trong quá trình xây dựng các dự án: Hình thành Trung tâm lọc, hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất; dự án Đường sắt tốc độ cao Bắc Nam (đoạn qua địa bàn tỉnh Quảng Ngãi), cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum; dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất; dự án Sản xuất ray đường sắt và thép đặc biệt Hòa Phát Dung Quất; các Nhà máy điện tuabin khí hỗn hợp Dung Quất I và III; dự án Khu Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ VSIP 2; Khu công nghiệp và sản xuất dược liệu tập trung Đăk Tô; Khu đô thị sinh thái Coastal Quảng Ngãi; Khu đô thị mới An Phú (đảo Ngọc); các Khu đô thị du lịch sinh thái Măng Đen; Khu Đô thị mới Đông Nam Dung Quất - phía Bắc và Khu Đô thị mới Đông Nam Dung Quất - phía Nam;... đẩy nhanh tiến độ thực hiện, sớm đưa vào sử dụng các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước: Mở rộng, nâng cấp Quốc lộ

24B; Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh; Đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc; Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi; Hệ thống thu gom, xử lý nước mưa - nước thải lưu vực phía Nam hạ lưu sông Trà Khúc; Nâng cấp, mở rộng hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất...

- **Thúc đẩy phát triển khu vực dịch vụ.** Phát triển đa dạng các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, ứng dụng các thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; ưu tiên phát triển các ngành dịch vụ có hàm lượng tri thức, khoa học, công nghệ cao, dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, dịch vụ kỹ thuật, các lĩnh vực du lịch, thương mại điện tử, tài chính, ngân hàng, y tế, giáo dục, logistics, các dịch vụ mới của nền kinh tế số, có giá trị gia tăng cao; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ, AI trong doanh nghiệp, phần đầu có 30% doanh nghiệp tiếp cận giải pháp công nghệ mới phục vụ sản xuất kinh doanh và quản lý doanh nghiệp. Phát triển du lịch với các hạt nhân tạo thành tam giác phát triển du lịch thế mạnh của tỉnh: Trung tâm du lịch biển - đảo Lý Sơn, Khu du lịch Măng Đen, Di tích quốc gia đặc biệt Văn hóa Sa Huỳnh. Phát triển du lịch với định hướng “ba quốc gia, một điểm đến”. Hình thành các tuyến du lịch kết nối giữa cao nguyên và biển đảo trên cơ sở phát huy sự đa dạng bản sắc văn hóa của mỗi vùng miền, của các đồng bào dân tộc thiểu số, các di tích lịch sử, văn hóa, thắng cảnh mang đậm bản sắc Tây Nguyên. Phát triển đa dạng các loại hình, sản phẩm du lịch như: Du lịch sinh thái, nông nghiệp; du lịch văn hóa, lịch sử; du lịch nghỉ dưỡng; du lịch cộng đồng; ưu tiên sản phẩm du lịch đặc trưng, có bản sắc riêng. Phát triển Khu du lịch Măng Đen thành trung tâm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng. Thu hút các nhà đầu tư chiến lược để đầu tư tổ hợp khu đô thị - dịch vụ - du lịch nghỉ dưỡng, giải trí quy mô lớn, chất lượng cao dọc tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, đặc khu Lý Sơn, Khu du lịch Thạch Bích - Núi Chúa, núi Cà Đam,... Ngay từ những ngày đầu năm 2026, “Tuần Văn hóa - Du lịch Măng Đen” và Mùa hoa anh đào 2026 đã được tổ chức tại Trung tâm xã Măng Đen đã thu hút hơn 55 nghìn lượt khách du lịch đã góp phần tôn vinh bản sắc văn hóa đại ngàn, kết nối cộng đồng, doanh nghiệp và du khách, đồng thời khẳng định Măng Đen là điểm đến xanh, thân thiện, giàu trải nghiệm trong không gian phát triển mới của tỉnh Quảng Ngãi; phối hợp tổ chức thành công Khu trưng bày, giới thiệu sản phẩm của tỉnh Quảng Ngãi tại Hội chợ Quốc gia mùa Xuân năm 2026 tại Hà Nội.

- **Thúc đẩy phát triển khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản.** Tăng cường ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao; mở rộng và phát triển bền vững các loại cây trồng chủ lực như: cây ăn quả khoảng 14.000 ha, cà phê khoảng 36.373 ha, cao su khoảng 81.659 ha, Mắc ca khoảng 4.447 ha, Sâm Ngọc Linh khoảng 3.422 ha, trong đó: trồng mới Sâm Ngọc Linh khoảng 500 ha và các cây dược liệu khác, gắn với bảo vệ nguồn gene và thương hiệu Sâm Ngọc Linh; tiếp tục khôi phục và phát triển cà phê xứ lạnh. Đẩy mạnh kết nối thị trường, quảng bá sản phẩm, xây dựng và phát triển thương hiệu nông sản, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; nâng cao vị thế và giá trị nông sản của tỉnh trên thị trường quốc tế. Đẩy mạnh liên kết sản xuất, nhân rộng mô hình liên kết 4 nhà phát triển sản phẩm nông nghiệp hàng hóa. Tiếp tục phát triển chương trình mỗi xã một sản phẩm

(OCOP), xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp đối với sản phẩm chủ lực, đặc trưng, có thể mạnh. Phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng, đặc biệt là giá trị các-bon rừng. Ứng dụng công nghệ GIS, Flycam/Drone trong tuần tra, kiểm tra rừng và theo dõi diễn biến tài nguyên rừng. Tập trung thực hiện nghiêm, hiệu quả các giải pháp cấp bách chống khai thác IUU, hiện đại hóa công tác quản lý tàu cá qua hệ thống VNFishbase và truy xuất nguồn gốc điện tử...

- Trung ương cần tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện hỗ trợ, bổ sung cho tỉnh từ các nguồn vốn ngân sách Trung ương để tỉnh tiếp tục đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng được đồng bộ theo Quy hoạch đã được duyệt, đặc biệt là Khu kinh tế Dung Quất; hỗ trợ thực hiện hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện trên địa bàn tỉnh.

3.2. Thuận lợi, khó khăn của kịch bản tăng trưởng năm 2026

a) Thuận lợi:

- Tiếp thu được những bài học kinh nghiệm sâu sắc, linh hoạt trong công tác chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự hỗ trợ tích cực của các Bộ, ngành Trung ương; đồng thời, kế thừa những thành quả đã đạt được, cùng với đó là sự đoàn kết, thống nhất, đồng lòng của tập thể lãnh đạo tỉnh Quảng Ngãi với ý chí quyết tâm, phấn đấu cao độ, triển khai quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

- Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 06/02/2026 và UBND tỉnh Quyết định phê duyệt trong tháng 02/2026 sẽ là động lực thúc đẩy tăng trưởng GRDP 10% năm 2026 và 02 con số trong giai đoạn tới 2026 - 2030.

- Một số doanh nghiệp công nghiệp lớn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi như: Tập đoàn Hòa Phát, Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn, Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi, Công ty TNHH VSIP Quảng Ngãi, Công ty TNHH HD HD Hyundai Eco Vina (*chuyển giao dự án Công nghiệp Doosan Vina của Công ty TNHH Doosan Enerbility Việt Nam*),... tiếp tục phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư tại tỉnh, đặc biệt Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất (Tập đoàn Hòa Phát) nỗ lực triển khai Dự án Khu liên hợp gang thép Hòa Phát Dung Quất 2 đi vào hoạt động chính thức năm 2026 nên dự kiến tổng sản lượng thép đạt khoảng 10 triệu tấn (*tăng 40,8% so với năm 2025*), góp phần đưa GRDP khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 14,8%, trong đó: công nghiệp tăng 17,1%, đây là yếu tố thuận lợi để tỉnh xây dựng kịch bản tăng trưởng GRDP phấn đấu tăng 10% trong năm 2026. Bên cạnh đó, tỉnh cũng chú trọng thúc đẩy phát triển khu vực còn lại, theo đó GRDP khu vực dịch vụ phấn đấu tăng 9,4% và GRDP khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản phấn đấu tăng 4,99%.

b) Khó khăn:

- Tốc độ tăng GRDP năm 2025 đạt 10,02%; năm 2026 tiếp tục phấn đấu tăng 10% so với năm 2025; đây là mức tăng cao, là nhiệm vụ rất khó khăn và

thách thức đối với tỉnh, mức tăng trưởng này là thể hiện hết mức sự quyết tâm của tỉnh Quảng Ngãi để đóng góp chung vào tăng trưởng kinh tế của cả nước.

- Mô hình tăng trưởng chưa bền vững, còn phụ thuộc nhiều vào các ngành công nghiệp truyền thống (sản phẩm lọc hóa dầu và thép), chưa chuyển mạnh sang chiều sâu, vai trò năng suất, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa được phát huy đầy đủ. Công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao thấp, công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ giá trị gia tăng cao còn phát triển chậm.

- Hạ tầng số chênh lệch giữa đô thị/nông thôn và đồng bằng/miền núi, ảnh hưởng đến phát triển chính quyền số và kinh tế số. Hạ tầng giao thông liên kết Đông - Tây thiếu đồng bộ vẫn là điểm nghẽn, ảnh hưởng đến thu hút đầu tư và lưu chuyển hàng hóa.

- Thị trường bất động sản chưa khởi sắc; còn hạn chế, vướng mắc trong bồi thường, giải phóng mặt bằng làm chậm tiến độ dự án. Thiên tai, dịch bệnh và biến động giá nguyên vật liệu, chi phí logistics, gián đoạn chuỗi cung ứng là rủi ro thường trực.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Nhằm hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, trong đó có tăng trưởng GRDP đạt 10% so với năm 2025, tạo nền tảng vững chắc để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, “*phấn đấu đến năm 2030, đưa Quảng Ngãi trở thành tỉnh phát triển khá, là một cực tăng trưởng quan trọng ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên*”; tỉnh Quảng Ngãi tập trung triển khai thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, như sau:

1. Tổ chức thực hiện nghiêm Chỉ thị số 01-CT/TW ngày 23/01/2026 của Bộ Chính trị về nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Tiếp tục quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, quyết liệt và hiệu quả các Nghị quyết đột phá của Bộ Chính trị: (1) về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024); (2) về hội nhập quốc tế trong tình hình mới (Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/1/2025); (3) về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới (Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025); (4) về phát triển kinh tế tư nhân (Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025); (5) về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia (Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025); (6) về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo (Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025); (7) về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân (Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 9/9/2025); (8) về phát triển kinh tế nhà nước (Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026); (9) về phát triển văn hóa Việt Nam (Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026);... các Kế hoạch, Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện các Nghị quyết đột phá của Bộ Chính trị nêu trên. Triển

khai thực hiện hiệu quả, đầy đủ các Chương trình mục tiêu quốc gia triển khai trong giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Triển khai thực hiện toàn diện, đồng bộ, hiệu quả 05 nhiệm vụ trọng tâm và 03 nhiệm vụ đột phá theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; các nội dung nhiệm vụ, giải pháp của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030; các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026. Triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ và đúng tiến độ các nhiệm vụ trong Quyết định ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Chương trình công tác trọng tâm năm 2026 của UBND tỉnh, hoàn thành tất cả các nhiệm vụ được Trung ương, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao. Đây được coi là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, bao trùm trên mọi lĩnh vực để các cấp, các ngành, địa phương cụ thể hóa gắn với từng nhiệm vụ, giải pháp để có sản phẩm cụ thể, kết quả cụ thể trong năm 2026, thể hiện rõ sự tiến bộ so với năm trước; lấy kết quả này làm căn cứ đánh giá hiệu quả công việc của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Phê duyệt và triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, gắn với quy hoạch vùng và quốc gia; phát triển không gian kinh tế hợp lý, khai thác tốt tiềm năng biển, ven biển, Khu kinh tế Dung Quất và Khu kinh tế cửa khẩu Bờ Y; đồng thời đẩy mạnh thu hút đầu tư có chọn lọc, ưu tiên các lĩnh vực công nghệ cao, công nghiệp sạch, dịch vụ, logistics và du lịch chất lượng cao; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong xã hội theo phương thức đối tác công tư. Cùng với đó, cần tiếp tục tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng bền vững; thúc đẩy tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn; chú trọng phát triển hạ tầng giao thông, đô thị và hạ tầng số, tạo nền tảng cho chuyển đổi số toàn diện và xây dựng chính quyền số, nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và phục vụ Nhân dân, doanh nghiệp.

Tập trung giải quyết các dự án tồn đọng, dừng thi công, khẩn trương triển khai, hoàn thành, đưa vào sử dụng, chống lãng phí, thất thoát gắn với thực hiện nghiêm kết luận của thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; tháo gỡ các điểm nghẽn về hạ tầng, đất đai, thủ tục đầu tư; tăng cường công tác giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh tiến độ đầu tư dự án đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam qua địa bàn tỉnh và ưu tiên phân bổ vốn cho hạ tầng kết nối vùng, nhất là hạ tầng giao thông kết nối Đông - Tây Quảng Ngãi, coi đây là những việc không thể trì hoãn; coi giải phóng mặt bằng là nhiệm vụ trọng tâm, xác định giải phóng mặt bằng là “mệnh lệnh hành chính”.

Tổ chức thực hiện nghiêm các Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh: số 03/CT-UBND ngày 12/01/2026 về nhiệm vụ, giải pháp thực hiện hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh năm 2026; số 05/CT-UBND ngày 15/01/2026 về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 và Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 30/01/2026 của UBND tỉnh về tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm

2026; thành lập tổ công tác đặc biệt đôn đốc giải ngân và tháo gỡ vướng mắc; phân đấu hoàn thành giải ngân vốn đầu tư công đúng tiến độ; thu hút mạnh mẽ các dự án chiến lược, tạo động lực tăng trưởng mới.

4. Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 19/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tăng cường các biện pháp thu ngân sách nhà nước năm 2026 và chi ngân sách địa phương, trong đó chú trọng xây dựng kế hoạch, giải pháp hữu hiệu, nhận diện từ xa, từ sớm các vướng mắc để chủ động giải quyết nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện thu tiền sử dụng đất, không để xảy ra tình trạng liên tục hốt thu tiền sử dụng đất như các năm vừa qua; Khẩn trương rà soát, lập phương án sắp xếp, xử lý toàn bộ tài sản công dôi dư, sử dụng không hiệu quả hoặc không còn phù hợp sau sắp xếp tổ chức bộ máy.

5. Tiếp tục triển khai hiệu quả mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với phân bổ nguồn lực phù hợp; thường xuyên đánh giá, kịp thời khắc phục các bất cập phát sinh, bảo đảm bộ máy vận hành thông suốt, hiệu lực và hiệu quả ngay từ cơ sở. Triển khai xây dựng hoàn thiện vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị, địa phương làm cơ sở cơ cấu, sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức phù hợp, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

6. Nâng cao tinh thần trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; xây dựng văn hóa công vụ “trách nhiệm - chuyên nghiệp - phục vụ”; lấy kết quả cuối cùng làm thước đo cho đánh giá cán bộ nhằm thay đổi căn bản trong tư duy và hành động của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, hướng tới một nền hành chính phục vụ, minh bạch, hiệu quả, lấy dân làm gốc.

7. Nâng cao năng lực cạnh tranh và giá trị gia tăng: tập trung phát triển các ngành mũi nhọn, công nghiệp chế biến, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, du lịch và dịch vụ chất lượng cao; thúc đẩy liên kết vùng, chuỗi giá trị và đổi mới sáng tạo; nâng cao năng suất lao động, đảm bảo tăng trưởng bền vững, ổn định. Trọng tâm là:

- Chủ động thúc đẩy mối liên kết giữa Khu kinh tế Dung Quất, Khu kinh tế cửa khẩu Bờ Y với Khu kinh tế mở Chu Lai để hình thành trung tâm công nghiệp trọng điểm của khu vực và cả nước. Hình thành Trung tâm lọc, hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất.

- Chuyên mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp; ưu tiên phát triển nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao; kinh tế lâm nghiệp, kinh tế dược liệu, với trọng tâm là sâm Ngọc Linh và các loài dược liệu đặc hữu, cây ăn quả, rau hoa xứ lạnh, tỏi Lý Sơn, cây công nghiệp; phân đấu trở thành vùng trọng điểm dược liệu của quốc gia.

- Phát huy những tiềm năng, lợi thế đặc biệt của tỉnh cùng các giá trị văn hóa, lịch sử, con người để thu hút đầu tư, phát triển du lịch với các hạt nhân tạo thành tam giác phát triển du lịch thế mạnh của tỉnh: Trung tâm du lịch biển - đảo Lý Sơn, Khu du lịch Măng Đen, Di tích quốc gia đặc biệt Văn hóa Sa Huỳnh.

8. Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công; xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; tạo đột phá trong cải cách hành chính và cải thiện môi trường đầu tư - kinh doanh. Thực hiện có hiệu quả việc đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông, tạo chuyển biến rõ nét trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến, góp phần giảm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp, người dân.

9. Quản lý chặt chẽ tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu: tăng cường kiểm soát chất lượng môi trường, giảm phát thải, phòng chống thiên tai; phát triển bền vững tài nguyên rừng, biển, nước; quy hoạch sử dụng đất hiệu quả; bảo đảm phát triển kinh tế song song với bảo vệ môi trường và chất lượng sống của Nhân dân.

10. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn đào tạo với nhu cầu thị trường; tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; đồng thời quan tâm đầy đủ, kịp thời chính sách đối với người có công cách mạng và an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, phát triển văn hóa - giáo dục - y tế, chăm lo đời sống Nhân dân, nhất là khu vực miền núi, vùng khó khăn, hải đảo; giữ vững quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề tạo điều kiện cho tỉnh Quảng Ngãi hoàn thành mục tiêu tăng trưởng đã đề ra, kính đề nghị Trung ương tiếp tục quan tâm một số nội dung sau:

1. Kiến nghị chung:

1.1. Theo quy định của Luật Đất đai năm 2024, người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư phải đáp ứng một số điều kiện, trong đó có nội dung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 122 Luật Đất đai 2024. Nội dung này đã gây khó khăn cho quá trình xác minh nhà đầu tư có vi phạm pháp luật về đất đai hay không, ảnh hưởng đến thời gian thực hiện thủ tục đất đai giao đất, cho thuê đất để nhà đầu tư thực hiện dự án. Kính đề nghị Chính phủ chỉ đạo Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, hướng dẫn hoặc ban hành quy định việc xác định người sử dụng đất vi phạm quy định của pháp luật về đất đai thống nhất trên phạm vi cả nước.

1.2. Theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/4/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thì kinh phí để thực hiện dự án tái định cư từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc ứng trước từ chủ đầu tư tự nguyện ứng trước tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trong điều kiện khó khăn của ngân sách nhà nước nên việc huy động nguồn kinh phí từ nhà đầu tư tự nguyện ứng trước để thực hiện các dự án tái định cư là hết sức cần thiết và phù hợp; đồng thời, thực tế có nhiều nhà đầu tư sẵn sàng ứng trước kinh phí để thực hiện thực hiện các dự án tái định cư nhằm đáp ứng tiến độ triển khai dự án.

Tuy nhiên, qua rà soát quy định của pháp luật về đất đai, ngân sách và các quy định pháp luật có liên quan thì hiện nay chưa quy định cụ thể về cơ chế, trình tự thủ tục tiếp nhận, sử dụng kinh phí và hoàn trả kinh phí khi nhà đầu tư tự nguyện ứng trước để cơ quan nhà nước thực hiện xây dựng dự án tái định cư phục vụ các dự án đầu tư ngoài ngân sách. Do đó, tỉnh Quảng Ngãi chưa có cơ sở để tổ chức thực hiện việc tiếp nhận nguồn kinh phí của nhà đầu tư tự nguyện ứng trước để thực hiện dự án tái định cư.

Trên tinh thần cuộc họp ngày 31/12/2025 với Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về xử lý, giải quyết các khó khăn, vướng của tỉnh Quảng Ngãi (*theo Quyết định số 2179/QĐ-TTg ngày 06/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ*) và ý kiến của đại diện Bộ Tài chính tại cuộc họp này, tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xem xét, tham mưu Chính phủ quy định cụ thể cơ chế, trình tự thủ tục tiếp nhận, sử dụng kinh phí và hoàn trả kinh phí khi nhà đầu tư tự nguyện ứng trước để cơ quan nhà nước thực hiện xây dựng dự án tái định cư phục vụ các dự án đầu tư ngoài ngân sách để làm cơ sở thực hiện.

1.3. Về cơ chế, chính sách hỗ trợ các địa phương đầu tư hạ tầng giao thông sau khi thực hiện chủ trương sáp nhập

Với việc sáp nhập xã, hiện nay nơi đặt bộ máy trung tâm hành chính, chính trị của các xã mới có sự thay đổi; trong khi địa bàn mỗi xã lớn hơn và vị trí trung tâm xa hơn so với trước đây; hệ thống giao thông trục ngang kết nối các xã vùng sâu, vùng xa với các trục giao thông chính (quốc lộ, tỉnh lộ) còn nhiều hạn chế, bất cập, chưa tạo được mạng lưới giao thông thông suốt; các tuyến đường kết nối giữa các xã cũ (nay là các khu vực trong cùng một xã mới) thường là đường đất hoặc đường bê tông nhỏ đã xuống cấp, chưa được nâng cấp thành trục chính thông suốt dẫn về Trung tâm hành chính;... dẫn đến việc đi lại, tiếp cận làm thủ tục hồ sơ của người dân trên toàn địa bàn xã gặp khó khăn, đa số phải tận dụng tuyến đường cũ do cấp huyện đầu tư xa hơn và mất nhiều thời gian (*có nhiều nơi phải đi đường vòng, nhiều xã có khoảng cách từ trụ sở các cơ quan hành chính đến trụ sở các cơ quan Đảng ủy rất xa; ...*).

Kính đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính phối hợp cùng các Bộ, ngành có liên quan đề xuất Trung ương xem xét, có chính sách hỗ trợ các địa phương để đầu tư hạ tầng giao thông từ các xã cũ nối về trung tâm của các xã mới sau khi thực hiện chủ trương sáp nhập.

2. Hỗ trợ cho tỉnh Quảng Ngãi

1.1. Kính đề nghị Bộ Công Thương quan tâm, sớm hoàn thiện trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Trung tâm lọc hoá dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi theo ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình tại Thông báo số 83/TB-VPCP ngày 24/02/2026; quan tâm tạo điều kiện, định hướng, hỗ trợ đầu tư và kêu gọi các nhà đầu tư lớn, có thương hiệu, có năng lực thuộc lĩnh vực kết cấu hạ tầng, công nghiệp quan tâm khảo sát, đầu tư tại tỉnh. Tỉnh Quảng Ngãi cam

kết sẽ tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất, đồng hành cùng các Nhà đầu tư đầu tư vào địa bàn tỉnh.

1.2. Ưu tiên bố trí nguồn lực ngân sách Trung ương hỗ trợ tỉnh Quảng Ngãi phát triển hạ tầng giao thông kết nối, các dự án liên kết vùng để nâng cao hiệu quả hợp tác phát triển giữa các khu vực liên tỉnh, phát triển các hành lang kinh tế theo trục Bắc - Nam, các hành lang kinh tế Đông - Tây; hỗ trợ các Chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện trên địa bàn tỉnh. Cụ thể một số nội dung sau:

(i) Về hỗ trợ Dự án tuyến đường bộ cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum

Tuyến đường bộ cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum (CT.42) được Thủ tướng Chính phủ giao UBND tỉnh Quảng Ngãi làm cơ quan chủ quản; khái toán tổng mức đầu tư khoảng **44.000 tỷ đồng**. Hiện Tỉnh đang triển khai lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án xây dựng Tuyến đường bộ cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum theo hình thức kết hợp đầu tư công và theo phương thức đối tác công tư (PPP)¹ để trình Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư; trong đó, gồm 02 dự án thành phần, cụ thể:

- Tuyến cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum (CT.42), đoạn Quảng Ngãi đến Măng Đen, tổng mức đầu tư khoảng 25.100 tỷ đồng, dự kiến đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP), loại hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT)²; nguồn vốn thanh toán quỹ đất địa phương và ngân sách Trung ương.

- Tuyến cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum (CT.42), đoạn Măng Đen đến Đăk Hà (điểm cuối tuyến), tổng mức đầu tư: khoảng 18.900 tỷ đồng, nguồn vốn: Đầu tư công.

Theo đó, tỉnh Quảng Ngãi đề xuất nhu cầu vốn ngân sách Trung ương bố trí cho dự án xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum (CT.42) trong giai đoạn 2026 - 2030 là **28.670 tỷ đồng**, trong đó:

- Tuyến đường bộ cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum (đoạn Quảng Ngãi - Măng Đen) là **12.550 tỷ đồng** (*phần vốn nhà nước tham gia khoảng 50% tổng mức đầu tư*);

- Tuyến đường bộ cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum (đoạn Măng Đen - Đăk Hà) là **16.120 tỷ đồng** (*dự án có chiều dài khoảng 54 km, quy mô 04 làn xe, khái toán tổng mức đầu tư khoảng 18.900 tỷ đồng, trong đó ngân sách địa phương bố trí thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng là 2.780 tỷ đồng, phần xây lắp và chi phí còn lại đề xuất từ ngân sách Trung ương hỗ trợ như Thông báo kết luận số 48/TB-VPCP ngày 18/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ*).

(ii) Về hỗ trợ Tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh (các đoạn chưa đầu tư)

¹ Theo khoản 2 Điều 69 Luật PPP, được sửa đổi bởi tiết c điểm 2b khoản 16 Điều 3 Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu 2024.

² Phù hợp với tinh thần tại Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh nằm trong quy hoạch tuyến đường ven biển Quốc gia, kết nối với các tỉnh Đà Nẵng và Gia Lai; là trục giao thông xương sống chạy dọc bờ biển tỉnh Quảng Ngãi với tổng chiều dài tuyến gần 124Km (chưa bao gồm đoạn tuyến trùng Quốc lộ 1A). Đến năm 2026, tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh đã được đầu tư xây dựng một số phân đoạn với tổng chiều dài là 62,05Km³, còn lại khoảng 62Km chưa đầu tư.

Đề đến năm 2030 hoàn thành toàn bộ tuyến đường ven biển theo quy hoạch được duyệt theo văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV đã đề ra, Tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Trung ương quan tâm hỗ trợ **đầu tư 02 đoạn tuyến** còn lại chưa đầu tư, với tổng số vốn là **9.800 tỷ đồng**, cụ thể: **(1) Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn III (đoạn Km82 - Km125) là 6.000 tỷ đồng (tổng chiều dài 38,2Km); (2) Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IV (đoạn qua địa bàn Khu kinh tế Dung Quất) là 3.800 tỷ đồng (tổng chiều dài 23,7Km).**

Theo Quy hoạch tỉnh điều chỉnh, dọc ven biển là một trong những hành lang kinh tế quan trọng nhất của Tỉnh nên việc đầu tư hoàn thành thông toàn tuyến đường ven biển có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng, phát huy tối đa hiệu quả kết nối giữa Khu kinh tế Dung Quất, đô thị hạt nhân Quảng Ngãi và các khu vực phía Nam tỉnh (giáp ranh tỉnh Gia Lai). Tuy nhiên, nhu cầu vốn để hoàn thiện các đoạn tuyến còn lại trong giai đoạn 2026 - 2030 là rất lớn, trong khi nguồn lực của tỉnh hết sức khó khăn, nhất là trong bối cảnh thực hiện sáp nhập tỉnh và thực hiện sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp. Do đó, để tạo điều kiện cho địa phương có thêm nguồn lực để thực hiện các dự án trên, góp phần hoàn thành mục tiêu tăng trưởng 02 con số trong giai đoạn 2026 - 2030, kính đề nghị **trung ương đầu tư các đoạn tuyến nêu trên hoặc xem xét, hỗ trợ địa phương 100% chi phí xây lắp (địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và chi phí khác như các giai đoạn trước đây).**

(iii) Hỗ trợ đầu tư nâng cấp, mở rộng Tuyến đường Quốc lộ 24

Sau khi hoàn thành sáp nhập, tuyến Quốc lộ 24 là tuyến đường kết nối giữa tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và tỉnh Kon Tum (cũ) - là **tuyến đường huyết mạch** hiện nay trong giao thương, vận tải phục vụ kinh doanh, đời sống của người dân, doanh nghiệp và lực lượng cán bộ công, viên chức. Tuyến đường đang xuống cấp, nhỏ hẹp và hay sạt lở (đặc biệt qua đèo Violak); một số đoạn hiện trạng đường nhỏ hẹp, quanh co, dốc liên tục, thường xuất hiện sương mù dày đặc, khó khăn cho việc lưu thông, đòi hỏi nâng cấp khẩn cấp.

Việc đầu tư là hết sức cần thiết trong giai đoạn 2026-2030. Tuy nhiên với khái toán dự án lớn (khoảng 2.350 tỷ đồng), trong khi đó, ngân sách trung ương thông báo cho Tỉnh chỉ có 6.195,9 tỷ đồng (*thấp hơn số vốn bố trí cho kỳ trung hạn 2021-2025 gần 5.000 tỷ đồng*) nên việc cân đối nguồn lực còn lại cho các dự án theo ngành, lĩnh vực khác rất hạn chế. Do vậy, kính đề nghị Chính phủ, Thủ

³ Trong đó, đưa vào sử dụng với đoạn tuyến có tổng chiều dài 33Km (với tổng mức đầu tư 1.497 tỷ đồng); đang triển khai thi công xây dựng và dự kiến đưa vào sử dụng trong năm 2026 với đoạn tuyến tổng chiều dài 29,05Km (với tổng mức đầu tư 2.000 tỷ đồng).

tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng xem xét hỗ trợ thêm kinh phí cho địa phương là **2.350 tỷ đồng** từ **nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2025** (thực hiện so với dự toán Quốc hội giao và dự toán chi còn lại) và từ các **nguồn vốn hợp pháp khác thuộc ngân sách trung ương (ngoài số vốn theo nguyên tắc, tiêu chí tính điểm của tỉnh)** để giải quyết gấp cho dự án Đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 24, đoạn Km32 - Km89+51 (UBND tỉnh Quảng Ngãi đã có báo cáo tại Công văn số 1377/UBND-KTTH ngày 22/02/2026).

(iv) *Hỗ trợ kinh phí duy tu, bảo dưỡng các tuyến đường Quốc lộ được Trung ương giao về cho tỉnh tiếp nhận, quản lý*

Thực hiện các Quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của Bộ Tài chính, tỉnh Quảng Ngãi đã tiếp nhận quản lý các tuyến đường Quốc lộ từ Trung ương giao về (Quốc lộ 24, 24B, 24C, 40, 40B, 14C) với chiều dài 541 Km (tổng nguyên giá khoảng 16.439,91 tỷ đồng). Các năm qua, kinh phí quản lý bảo trì các tuyến đường này được Bộ Xây dựng giao dự toán từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế cho các nhiệm vụ bảo dưỡng, sửa chữa đột xuất và định kỳ hàng năm. Nhằm bảo đảm đủ nguồn lực quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì các quốc lộ được giao, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh và phù hợp với khả năng bố trí nguồn lực của địa phương; kính đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng xem xét, bổ sung cho địa phương từ **nguồn kinh phí sự nghiệp chi hoạt động kinh tế đường bộ trong 05 năm 2026 - 2030 khoảng 2.500 tỷ đồng**.

(v) *Kiến nghị bổ sung nguồn vốn đầu tư xây dựng Trường Phổ thông nội trú liên cấp TH-THCS các xã biên giới*

Khi lập dự án xây dựng 04 Trường Phổ thông nội trú liên cấp TH-THCS các xã biên giới với đầy đủ các hạng mục đáp ứng yêu cầu của Nghị quyết số 298/NQ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ, đồng thời rà soát, áp dụng định mức, tính đúng tính đủ theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng thì tổng mức đầu tư của các dự án trình thẩm định có chênh lệch tăng so với danh mục đã đăng ký ban đầu với Bộ Giáo dục và Đào tạo, với tổng mức đầu tư là **872,245 tỷ đồng (cao hơn 259,483 tỷ đồng so với tổng mức đầu tư tỉnh đã khái toán, đăng ký với Bộ Giáo dục và Đào tạo)**. Kính đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét báo cáo Thủ tướng Chính phủ cấp bổ sung phần kinh phí tăng thêm **259,483 tỷ đồng** để địa phương thực hiện (UBND tỉnh Quảng Ngãi đã có báo cáo tại Công văn số 562/UBND-KGVX ngày 20/01/2026).

(vi) *Về hỗ trợ đầu tư các dự án phục vụ an ninh quốc phòng*

Tỉnh Quảng Ngãi là địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh trong khu vực phòng thủ quân khu và cả nước, với vai trò là “cửa ngõ ra biển” chiến lược trên hành lang kinh tế Đông - Tây. Việc đảm bảo an ninh quốc phòng tại các địa bàn giáp ranh và trực giao thông kết nối giữa Quảng Ngãi và Kon Tum sau sáp nhập là nhiệm vụ trọng yếu, có ý nghĩa quyết định đến sự ổn

định chính trị và phát triển kinh tế bền vững của cả khu vực. Tuy nhiên, do địa hình chia cắt phức tạp và ngân sách địa phương còn hạn hẹp, hạ tầng phục vụ quốc phòng - an ninh trên tuyến hành lang này hiện chưa đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới.

Trước yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ an ninh biên giới và giữ vững trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới, hiện nhu cầu vốn đầu tư cho các dự án an ninh, quốc phòng là rất lớn, vượt quá khả năng cân đối của ngân sách tỉnh. Do đó, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Trung ương quan tâm, xem xét hỗ trợ bổ sung từ nguồn ngân sách Trung ương (*ngoài phân tính điểm*) cho 03 dự án; trong đó có 02 dự án là yêu cầu mới, cấp bách theo chính quyền địa phương 02 cấp, 01 dự án là công trình quốc phòng biên đảo; với tổng số vốn là **1.148 tỷ đồng** (*gồm: (1) Xây mới, sửa chữa Trụ sở Ban CHQS xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi là 225 tỷ đồng; (2) Đường cơ động Đảo Lý Sơn (Giai đoạn 4) là 120 tỷ đồng; (3) Xây dựng mới, cải tạo 27 Trụ sở làm việc Công an cấp xã là 803 tỷ đồng*).

Kính báo cáo Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Công Thương; Xây dựng; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Nông nghiệp và Môi trường; Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- VPUB: CVP, PCVP, các phòng, ban, đơn vị;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH._{NTT}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Y Ngọc